

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 08-4-2024
Về việc “chia tài sản chung sau khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

Các Thẩm phán: bà Trần Thị Thanh Thúy

ông Trần Tấn Quốc

- Thư ký phiên tòa: bà Ngô Thanh Xuân – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kim Chung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 3 và 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2024/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc “*tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn*”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 33/2023/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐ-PT ngày 19/02/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Đinh Văn H, sinh năm: 1963; địa chỉ: ấp K, xã B, huyện T4, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: ông Trần Văn H1, sinh năm: 1967; địa chỉ: ấp M, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang (văn bản ủy quyền ngày 06/3/2024).

- Bị đơn: bà Võ Thị T, sinh năm: 1964; địa chỉ: ấp K, xã B, huyện T4, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: chị Đinh Thị Hoài T1, sinh năm: 1985; địa chỉ: ấp G, xã B, huyện T4, tỉnh Long An (văn bản ủy quyền ngày 29/3/2024).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Đinh Thị Hoài T1, sinh năm: 1985; địa chỉ: ấp G, xã B, huyện T4, tỉnh Long An.

2. Anh Đinh Hoài H2, sinh năm: 1983; địa chỉ: ấp K, xã B, huyện T4, tỉnh Long An.

3. Anh Trần Chí L, sinh năm: 1981; địa chỉ: ấp K1, xã B, huyện T4, tỉnh Long An.

4. Anh Lâm Văn T2, sinh năm: 1982; địa chỉ: ấp N1, xã B, huyện T4, tỉnh Long An.

5. Anh Trần Văn T3, sinh năm: 1971; địa chỉ: ấp C1, xã T5, huyện T5, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo*: nguyên đơn, ông Đinh Văn H.

(*Ông Đinh Văn H, ông Trần Văn H1, bà Võ Thị T, chị Đinh Thị Hoài T1 có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông Đinh Văn H do ông Trần Văn H1 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Trước đây ông H có khởi kiện yêu cầu ly hôn và chia tài sản chung với bà Võ Thị T, đã được Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng xét xử sơ thẩm lần đầu bằng Bản án số 10/2020/HNGĐ-ST ngày 08/9/2020. Sau đó, Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã xét xử phúc thẩm vụ án, tại Bản án số 38/2021/HNGĐ-PT ngày 30/11/2021, hủy một phần Bản án số 10/2020/HNGĐ-ST về việc chia tài sản chung, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng xét xử lại.

Ông H yêu cầu Tòa án công nhận tài sản riêng của ông là quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế tổng cộng 23.948,2m² gồm 07 thửa đất: thửa đất số 572, diện tích 2.740m²; thửa đất số 573, diện tích 2.033,6m²; thửa đất số 574, diện tích 998,7m², cùng tờ bản đồ số 9; thửa đất số 1017, diện tích 630,6m²; thửa đất số 1033, diện tích 2.086,8m²; thửa đất số 1547, diện tích 1.764,4m²; một phần thửa đất số 1141 diện tích 13.694,1m², cùng tờ bản đồ số 10. Đất tại xã B, huyện T4, tỉnh Long An.

Ông H rút lại các yêu cầu khởi kiện về việc chia đôi tài sản chung 72 chỉ vàng và yêu cầu bà T bồi thường số tiền 53.669.870 đồng do không cho thuê đất sản xuất được.

Ông H không có ý kiến về việc chị Đinh Thị Hoài T1 rút đơn khởi kiện.

Bị đơn, bà Võ Thị T trình bày:

Bà và ông Đinh Văn H đã ly hôn, nhưng còn tranh chấp phần chia tài sản chung. Quyền sử dụng đất gồm 07 thửa, có diện tích đo đạc thực tế tổng cộng 23.948,2m² mà ông H và ông H1 trình bày, là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà và ông H. Bà yêu cầu chia đôi và được nhận thửa đất số 1141, tờ bản đồ số 10, diện tích 13.694,1m² và hoàn trả tiền chênh lệch diện tích cho ông H theo giá

trị hai bên đã thỏa thuận là 50.000đ/m². Việc ông H rút các yêu cầu khởi kiện về chia số vàng 72 chỉ và yêu cầu bà bồi thường số tiền 53.669.870 đồng thì bà không có ý kiến.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Chị Đinh Thị Hoài T1 trình bày: trước đây, chị có khởi kiện ông Đinh Văn H và bà Võ Thị T đòi tiền nợ 11 chỉ vàng 24 kara nhưng nay chị xin rút đơn khởi kiện, không yêu cầu ông H, bà T trả số vàng trên cho chị.

Anh Đinh Hoài H2 trình bày: ông H và anh trực tiếp nhận và sử dụng số vàng do bà Kiều thanh toán để mua phần đất khác cho anh đứng tên.

Anh Trần Chí L trình bày: diện tích 63,3m² thuộc một phần thửa 1547 do ông Đinh Văn H đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng anh là người đang trực tiếp quản lý sử dụng và có ranh giới rõ ràng với phần đất còn lại của thửa 1547 do ông H và bà T sử dụng. Trong vụ án này, anh không tranh chấp với ông H, giữa anh với ông H và bà T tự giải quyết với nhau vì không ai lấn ranh đất của ai.

Anh Lâm Văn T2 trình bày: Anh là người đang thuê đất của chị Đạt và ông H, hết thời gian thuê anh sẽ trả lại đất, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

Anh Trần Văn T3 trình bày: Anh có thuê quyền sử dụng đất tại thửa 1141 giá 10.000.000 đồng, chỉ sử dụng 01 vụ hè thu năm 2023, nay đã thu hoạch xong, anh đã trả lại đất cho bà T xong, còn số tiền anh chưa giao trả cho ai, khi nào ông H hoặc bà T có yêu cầu anh sẽ trả, anh không tranh chấp với ông H và bà T.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 33/2023/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng đã xử (tóm tắt):

“1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn H về việc yêu cầu bà Võ Thị T chia đôi 72 chỉ vàng 24 kara và bồi thường số tiền 53.669.870 đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Hoài T1 đối với ông Đinh Văn H và bà Võ Thị T về việc yêu cầu ông H và bà T phải liên đới trả 11 chỉ vàng 24 kara.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T đối với ông Đinh Văn H về việc yêu cầu ông H chia đôi quyền sử dụng đất diện tích 23.948,2m² tại 07 thửa gồm các thửa đất số 572, 573 và thửa 574 tờ bản đồ số 9; thửa đất số 1017, 1033, 1547 và một phần thửa 1141 tờ bản đồ số 10 đất tọa lạc tại xã B, huyện T4, tỉnh Long An.

Bà Võ Thị T được quyền sử dụng thửa đất 1141 tờ bản đồ số 10 diện tích 13.694,1m², đất tọa lạc tại xã B, huyện T4, tỉnh Long An.

(Vị trí và hiện trạng thửa đất 1141 tờ bản đồ số 10 diện tích 13.694,1m² theo bản vẽ trích đo số 260/2022 ngày 21/9/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Tân Hưng, tỉnh Long An)

Bà Võ Thị T được quyền đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với thửa đất 1141 tờ bản đồ số 10

diện tích 13.694,1m² tọa lạc tại xã B, huyện T4, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3, Điều 100 và khoản 2, Điều 170 Luật đất đai năm 2013.

Buộc ông Đinh Văn H có nghĩa vụ giao cho bà Võ Thị T quyền sử dụng đất diện tích 13.694,1m², tại một phần thửa 1141 tờ bản đồ số 10 đất tọa lạc tại xã B, huyện T4, tỉnh Long An.

Buộc bà Võ Thị T có nghĩa vụ hoàn trả tiền chênh lệch giá trị đất cho ông H 86.000.000 đồng (Tám mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Đinh Văn H được quyền quản lý sử dụng quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 572, 573, 574, 1017, 1033 và 1547 có tổng diện tích 10.254,1m² cụ thể đất tại một phần thửa 1017 diện tích 630,6m², thửa 1033 diện tích 2.086,8m², thửa số 1547 diện tích 1.764,4m² cùng tờ bản đồ số 10 và đất tại một phần thửa số 572 diện tích 2.740m², thửa số 573 diện tích 2.033,6m², thửa 574 diện tích 998,7m², tờ bản đồ số 9 đất tọa lạc tại xã B, huyện T4, tỉnh Long An.

Ông Đinh Văn H được quyền đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất trên quy định tại khoản 3, Điều 100 và khoản 2, Điều 170 Luật đất đai năm 2013.

Buộc bà Võ Thị T có nghĩa vụ giao cho ông Đinh Văn H quyền sử dụng đất diện tích 10.254,1m² cụ thể:

Đất tại một phần các thửa số 572 diện tích 2.740m², thửa số 573 diện tích 2.033,6m² và thửa 574 diện tích 998,7m², tờ bản đồ số 9 đất tọa lạc tại xã B, huyện T4, tỉnh Long An.

(Kèm theo bản vẽ trích đo số 80/2019 ngày 24/7/2019 của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Tân Hưng, tỉnh Long An).

Đất tại một phần các thửa 1017 diện tích 630,6m², thửa 1033 diện tích 2.086,8m² và thửa số 1547 diện tích 1.764,4m² tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại xã B, huyện T4, tỉnh Long An.

(Kèm theo bản vẽ trích đo số 81/2019 ngày 24/7/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Tân Hưng, tỉnh Long An).

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đinh Văn H về việc không đồng ý chia đôi quyền sử dụng đất cho bà Võ Thị T."

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 25/9/2023, nguyên đơn ông Đinh Văn H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phân chia tài sản chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Đinh Văn H do ông Trần Văn H1 đại diện trình bày: ngoài các thửa đất đang tranh chấp, còn có 07 thửa đất khác diện tích hơn 04 hecta, là tài sản chung của ông H và bà T, nhưng bị cấp nhầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người khác và họ đang canh tác. Ông H đã tiến hành khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sai này đến Ủy ban nhân dân huyện T4 và không nhận được kết quả như mong muốn nên ông H đang tiếp tục khiếu nại vấn đề này. Trong trường hợp bà T muốn yêu cầu chia tài sản chung thì bà T có quyền yêu cầu chia 04 hecta này chứ không phải yêu cầu chia phần đất là tài sản riêng của ông H được Tập đoàn cấp vào năm 1981. Do đó, ông H yêu cầu Tòa án công nhận 07 thửa đất gồm: thửa đất số 572, 573, 574, cùng tờ bản đồ số 9 (theo trích đo số: 80/2019 ngày 24/7/2019); thửa đất số 1017, 1033, 1547, (theo trích đo số 81/2019 ngày 24/7/2019); một phần thửa đất số 1141 (theo trích đo số 260/2022 ngày 21/9/2022) cùng tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã B, huyện T4, tỉnh Long An là tài sản riêng của ông H. Hiện nay, thửa 1141 do bà T đang trực tiếp canh tác, còn các thửa đất còn lại ông Lâm Văn T2 vẫn đang thuê.

Bà Võ Thị T trình bày: không đồng ý toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chị Đinh Thị Hoài T1 trình bày: thống nhất với ý kiến của bà T.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng tại cấp phúc thẩm: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của nguyên đơn ông Đinh Văn H đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: ông H và bà T đều không cung cấp được giấy tờ chứng minh đã được Tập đoàn cấp đất; ông H không có chứng cứ chứng minh tài sản đang tranh chấp là tài sản riêng của ông. Cả hai đương sự đã cùng sử dụng đất trên 30 năm, nên Tòa án cấp sơ thẩm chia đôi tài sản là có căn cứ, cần bác kháng cáo của ông H. Bà T trên 60 tuổi và xin miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của nguyên đơn ông Đinh Văn H thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Việc xét xử vắng mặt các đương sự: những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đinh Hoài H2, anh Trần Chí L, anh Trần Văn T3, anh Lâm Văn T2 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, thuộc trường hợp quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án vẫn xét xử phúc thẩm vụ án.

[3] Nguyên đơn ông Đinh Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Bị đơn bà Võ Thị T giữ nguyên yêu cầu phản tố. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[4] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: tại Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 38/2021/HNGĐ-PT ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long

An đã hủy một phần Bản án số 10/2020/HNGĐ-ST ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng về phần giải quyết chia tài sản chung và nợ chung, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng để xét xử sơ thẩm lại. Trong quá trình thụ lý giải quyết lại vụ án, chị Đinh Thị Hoài T1 mới rút lại yêu cầu khởi kiện đòi ông Đinh Văn H và bà Võ Thị T liên đới trả cho chị T1 số vàng 11 chỉ 24k đã nợ để trả tiền mua phân thuốc trừ sâu. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị T1 là đúng, nhưng chỉ xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn”, là bỏ sót quan hệ tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cần rút kinh nghiệm.

[5] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: ông Đinh Văn H chỉ kháng cáo về phần chia tài sản. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần nội dung này của bản án sơ thẩm.

[6] Về việc áp dụng pháp luật về nội dung: ông Đinh Văn H và bà Võ Thị T đều thừa nhận đã tổ chức lễ cưới và chung sống từ năm 1981. Do đó, cần căn cứ pháp luật về hôn nhân và gia đình đang có hiệu lực tại thời điểm xác lập và tồn tại quan hệ hôn nhân của hai đương sự để giải quyết chia tài sản vợ chồng khi ly hôn, cụ thể: áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959, năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật có liên quan.

[7] Các đương sự thống nhất các nội dung: tài sản đang tranh chấp là quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế là 23.948,2m² tại 07 thửa đất, gồm: thửa số 1017, 1033, 1547 và một phần thửa 1141 tờ bản đồ số 10; các thửa số 572, 573 và thửa 574 tờ bản đồ số 9. Địa chỉ các thửa đất: xã B, huyện T4, tỉnh Long An. Ông H và bà T cùng sử dụng đất từ năm 1985 đến năm 2017 thì bỏ hoang do tranh chấp ly hôn. Các thửa số 572, 573, 574 và thửa 1547 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đinh Văn H vào năm 2018. Các thửa số 1017, 1033, 1141 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó thửa 1141 cho ông Trần Văn T3 thuê với giá 10.000.000 đồng/mùa vụ và đã chấm dứt hợp đồng; các thửa số 1017, 1033, 1547 cho ông Lâm Văn T2 thuê từ năm 2017-2027 và các bên không có tranh chấp các hợp đồng thuê quyền sử dụng đất (các bút lục số 452, 453). Các đương sự thống nhất kết quả đo đạc diện tích thực tế đất, theo các mảnh trích đo địa chính số 80/2019, số 81/2019 cùng ngày 24/7/2019, số 260/2022 ngày 21/9/2022, (sau đây gọi tắt là Trích đo số 80, 81 và 260) do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Tân Hưng đo vẽ và giá trị quyền sử dụng đất là 50.000đ/m² (bút lục số 456, 459, 479). Giữa anh Trần Chí L và ông Đinh Văn H, bà Võ Thị T không tranh chấp phần đất có diện tích 63,3m² thuộc một phần thửa 1547 do ông Đinh Văn H đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng anh Linh là người đang trực tiếp quản lý sử dụng.

[8] Các đương sự không thống nhất về nguồn gốc đất: bà T trình bày toàn bộ các thửa đất tranh chấp do Tập đoàn 6A cấp cho bà và ông H vào năm 1985. Trong khi đó, ông H trình bày các thửa đất số 572, 573, 574 được Tập đoàn 6A cấp vào năm 1981 cho cha ruột của ông H là ông Đinh Văn T2 theo chế độ gia đình chính

sách, vì ông T2 là người đang thờ cúng liệt sĩ; các thửa 1033, 1017, 1547, 1141 ông H được Tập đoàn 6A cấp riêng.

[9] Hồ sơ vụ án thể hiện có sự mâu thuẫn giữa các cơ quan quản lý đất đai trong việc cung cấp thông tin về nguồn gốc của các thửa đất đang có tranh chấp, cụ thể:

[9.1] Theo Công văn số 2069 ngày 06/8/2021 của UBND huyện Tân Hưng (BL 370) thể hiện: *“các thửa đất số: 573, 574, 572, tờ bản đồ số 9 và thửa đất số 1547 (tách ra từ một phần thửa số 1033 và một phần thửa số 1017), tờ bản đồ số 10, có nguồn gốc như sau: Tập đoàn 6A cấp cho ông Đinh Văn T2 và bà Võ Thị T3 vào khoảng năm 1981 (ông T2, bà T3 là cha mẹ ruột của ông H). Sau khi được Tập đoàn cấp, ông T2 và bà T3 trực tiếp sản xuất đến năm 1983, do vùng trũng, thấp, làm không có năng suất nên ông T2, bà T3 bỏ hoang không sản xuất nữa. Đến khoảng năm 1985-1986, ông Đinh Văn H bắt đầu khai phá lại và trực tiếp sản xuất lúa cho đến nay...”*

Các thửa đất số: 1141, 1053, tờ bản đồ số 10 (theo hồ sơ địa chính cũ năm 2011 là các thửa đất số: 274, 275, 109, tờ bản đồ số 12) có nguồn gốc như sau: Tập đoàn 6A cấp cho ông Đinh Văn H vào khoảng năm 1981. Ông H trực tiếp sản xuất lúa đến năm 2017 thì phát sinh tranh chấp với bà Võ Thị T và bỏ hoang từ năm 2017 đến nay”.

[9.2] Theo Công văn số 264 ngày 08/3/2023 (BL 424), chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Tân Hưng xác định, *“Theo mảnh trích đo ngày 21/9/2022 đối với một phần thửa 1141, tờ bản đồ số 10, diện tích 13.964,1m² là đất một phần thửa 1141, ông Đinh Văn H trực tiếp sản xuất khoảng năm 1981 đến năm 2017 thì phát sinh tranh chấp với bà Võ Thị T rồi bỏ hoang từ năm 2017 đến nay...”*

[9.3] Trong khi đó, UBND xã Hưng Điền B và cán bộ địa chính xã là ông Châu Thanh Sơn, cũng như Tập đoàn phó Tập đoàn 6A là ông Nguyễn Văn Đức đều xác nhận, các thửa đất đang tranh chấp được cấp không liên quan gì đến chế độ gia đình chính sách mà cấp theo công lao động, trong đó hộ gia đình của ông Đinh Văn H (gồm có ông H và bà Võ Thị T) được Tập đoàn 6A cấp vào khoảng năm 1985-1986 (các bút lục số 127b, 180, 202, 203, 461).

[9.4] Tuy nhiên, các cơ quan quản lý đất đai cấp xã, huyện không cung cấp được bất kỳ quyết định giao đất hoặc tài liệu, giấy tờ gì có liên quan đến việc Tập đoàn giao đất cho ông H, bà T và giao theo chế độ, tiêu chuẩn gì. Mặt khác, bà Võ Thị T3 hy sinh ngày 15/12/1963 (bút lục số 131), nên theo nội dung của Công văn số 2069 của UBND huyện Tân Hưng cung cấp thông tin *“Sau khi được Tập đoàn cấp, ông T2 và bà T3 trực tiếp sản xuất đến năm 1983”* là không hợp lý về mặt thời gian. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H và người đại diện của ông H trình bày, các thửa đất đang tranh chấp do ông H và bà T cùng trực tiếp canh tác từ sau khi ông H và bà T tổ chức lễ cưới (năm 1981) đến khi hai bên phát sinh tranh chấp ly hôn (năm 2017), còn bà T trình bày vợ chồng bà cùng canh tác từ năm 1985. Như vậy, mốc thời gian ông H và bà T bắt đầu canh tác đất có sự thống nhất là từ năm

1985 trở đi, nên việc UBND huyện và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Tân Hưng xác định đất do cá nhân ông Đinh Văn H trực tiếp canh tác là không chính xác.

[10] Ngoài ra, theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đinh Văn H thể hiện, chính ông H đã khai nhận, được khu dân cư xã Hưng Điền B và các cơ quan xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thống nhất xác định, các thửa đất số 572, 573, 574, 1547 do ông H khai phá năm 1985 (bút lục số 270, 272, 273, 282, 287-290, 292-295).

[11] Từ mục [9.4] và mục [10] cho thấy, cả ông H và bà T đều không có căn cứ vững chắc để chứng minh được nguồn gốc các thửa đất tranh chấp là được cấp riêng hay cấp chung cho hai đương sự.

[12] Điều 15 của Luật Hôn nhân gia đình năm 1959 quy định: “Vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới”; đồng thời, căn cứ vào quá trình cùng sử dụng đất đã được hai đương sự thống nhất xác định là hơn 30 năm (từ năm 1985 đến 2017), Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế tổng cộng 23.948,2m² gồm 07 thửa đất: thửa đất số 572, diện tích 2.740m²; thửa đất số 573, diện tích 2.033,6m²; thửa đất số 574, diện tích 998,7m², cùng tờ bản đồ số 9; thửa đất số 1017, diện tích 630,6m²; thửa đất số 1033, diện tích 2.086,8m²; thửa đất số 1547, diện tích 1.764,4m²; một phần thửa đất số 1141 diện tích 13.694,1m², cùng tờ bản đồ số 10; đất tại xã B, huyện T4, tỉnh Long An là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông H và bà T. Tòa án cấp sơ thẩm đã chia cho ông H và bà T mỗi người ½ tài sản chung, là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc ông H và người đại diện trình bày giữa ông H và bà T còn có 07 thửa đất khác là tài sản chung, đã yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bị Ủy ban nhân dân huyện T4 cấp nhầm cho người khác, ông H đã tiến hành khiếu nại nhưng không được và đề nghị chia cho bà T các phần đất này, là không có căn cứ để được chấp nhận.

[13] Ông H, bà T thống nhất xác định thửa 1141 hiện do bà T đang trực tiếp canh tác, còn thửa 572, 573, 574, 1033, 1017 và 1547 do ông Lâm Văn T2 đang thuê nhưng các bên không có tranh chấp gì về hợp đồng thuê quyền sử dụng đất. Do đó, cần sửa một phần cách tuyên án về nghĩa vụ giao tài sản.

[14] Về án phí dân sự sơ thẩm: tại phiên tòa phúc thẩm, bà T đề nghị xem xét được miễn án phí do là người cao tuổi; ngoài ra, bản án sơ thẩm tính sai số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà ông H được hoàn trả, nên cần sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí.

[15] Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận, lẽ ra ông H phải chịu án phí phúc thẩm, nhưng do đương sự là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí.

[16] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, được chấp nhận.

[17] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 và Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Văn H.

3. Sửa một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 33/2023/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An về nghĩa vụ giao tài sản và án phí của bà Võ Thị T và ông Đinh Văn H:

3.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T đối với ông Đinh Văn H về việc yêu cầu ông H chia đôi quyền sử dụng đất diện tích 23.948,2m² tại 07 thửa đất, gồm: các thửa đất số 572, 573 và thửa 574 tờ bản đồ số 9; thửa đất số 1017, 1033, 1547 và một phần thửa 1141 tờ bản đồ số 10; đất tọa lạc tại xã B, huyện T4, tỉnh Long An, trong đó:

3.1.1. Chia cho ông Đinh Văn H được quyền sử dụng đất có tổng diện tích đo đạc thực tế là 10.254,1m², gồm các thửa đất: thửa số 572 diện tích 2.740m², thửa số 573 diện tích 2.033,6m², thửa 574 diện tích 998,7m², cùng tờ bản đồ số 9; một phần thửa 1017 diện tích 630,6m², một phần thửa 1033 diện tích 2.086,8m², một phần thửa số 1547 diện tích 1.764,4m² cùng tờ bản đồ số 10. Vị trí, kích thước các thửa đất được thể hiện theo các trích đo số 80/2019 và số 81/2019 cùng ngày 24/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

3.1.2. Chia cho bà Võ Thị T được quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế là 13.694,1m² thuộc một phần thửa 1141 tờ bản đồ số 10 (đất đang do bà Võ Thị T trực tiếp quản lý). Vị trí, kích thước thửa đất được thể hiện theo trích đo số 260/2022 ngày 21/9/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

3.1.3. Buộc bà Võ Thị T có nghĩa vụ thanh toán phần chênh lệch giá trị tài sản chung được chia cho ông H là 86.000.000 đồng (*Tám mươi sáu triệu đồng*).

3.1.4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.1.5. Ông Đinh Văn H và bà Võ Thị T được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất; điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp đối với phần đất được chia thuộc quyền sử dụng của mình theo quy định của pháp luật về đất đai.

3.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Đinh Văn H và bà Võ Thị T được miễn toàn bộ. Ông Đinh Văn H được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng là 6.086.000 đồng theo các biên lai thu số: 0008500 ngày 04/12/2018, biên lai thu số 0008923 ngày 17/9/2019, biên lai thu số 0005632 ngày 25/9/2020, biên lai thu số 0008080 ngày 15/01/2020 và biên lai thu số 0008063 ngày 02/01/2020. Bà Võ Thị T được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.342.000 đồng theo biên lai thu số 0008547 ngày 08/01/2019. Các biên lai thu của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về án phí phúc thẩm: ông Đinh Văn H được miễn án phí phúc thẩm.

6. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Tân Hưng;
- Chi cục THADS huyện Tân Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tấn Quốc - Trần Thị Thanh Thúy

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục